

Số: 07 /2025/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quản lý tài sản công, ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đường bộ, ngày 27 tháng 6 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, ngày 24 tháng 4 năm 2024 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2025

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTTC, Khoa.

để b/c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân



QUY ĐỊNH

Về thẩm quyền xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7 /2025/QĐ-UBND ngày 23 /01/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản tại Điểm c khoản 2 điều 21; Điểm d khoản 2 điều 22; Điểm c khoản 2 điều 23; Điểm b khoản 2 điều 24; Điểm b khoản 2 điều 25, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ giữa các Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý, xử lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản là nhà, đất thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Nhà hạt quản lý đường bộ, kho bảo quản vật tư dự phòng ...).

2. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản.

b) Sở Giao thông vận tải quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản;

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản”

Điều 7. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với tài sản là nhà, đất thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Nhà hạt quản lý đường bộ, kho bảo quản vật tư dự phòng ...).

2. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản.

b) Sở Giao thông vận tải quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản;

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản”

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh về thực hiện xử lý tài sản theo quyết định này; Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân về xử lý tài sản.
- Sở Giao thông vận tải: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thu hồi, điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ giữa các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý tài sản.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ và quy định tại Quyết định này./.